

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CÔNG KHAI TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC
Năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư 09/2024/-TT. BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo Hà Nội quy định về công khai hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo về thực hiện Công tác công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026 của UBND phường Giảng Võ, Phòng VH-XH phường Giảng Võ;

Căn cứ vào đặc điểm tình hình của nhà trường năm học 2025-2026, trường mầm non số 7 báo cáo về việc triển khai và thực hiện Công tác công khai trong các hoạt động của nhà trường năm học 2025-2026 với những nội dung cụ thể sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Số 7
2. Địa chỉ: Số 8.Ngõ 660 Đường La Thành - Giảng Võ -TP. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 66708811
- Email: mnso7-bd@hanoiedu.vn
- Website: www.mgso7.giangvo.edu.vn
3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập.
4. Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Trường Mầm non Số 7

1. Tầm nhìn:

Trường Mầm non số 7 hướng tới xây dựng một ngôi trường thân thiện coi trọng yếu tố chất lượng được đặt lên hàng đầu. Đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục đảm bảo chương trình BGDĐT ban hành đáp ứng nhu cầu thực tiễn kết hợp với ứng dụng một số phương pháp tiên tiến của các nước một cách phù hợp phần đầu là trường mầm non đạt chất lượng toàn diện trong phường Giảng Võ.

2. Sứ mệnh:

Xây dựng một môi trường giúp giáo viên tự chủ, sáng tạo, trách nhiệm với công việc và yêu thương, công bằng với trẻ; phát triển theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

Tạo nên một thể hệ trẻ mầm non luôn có niềm đam mê trong học tập, cởi mở, tự tin, đủ năng lực khám phá tri thức; được nuôi dưỡng nghị lực và lòng nhân ái.

Xây dựng một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo với một chương trình giảng dạy có ý nghĩa khai thác tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Tạo cơ hội và thúc đẩy trẻ học hỏi và phát triển theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”.

Mục tiêu chính cho năm học 2025-2026:

Tập trung ứng dụng phương pháp tiên tiến học tập thông qua trải nghiệm vào chương trình giáo dục phù hợp với từng độ tuổi và nhu cầu của trẻ em. Đặc



biệt, chú trọng vào việc phát triển các kỹ năng công dân thế kỷ 21 bao gồm cả mặt thể chất, tinh thần và xã hội.

Tạo môi trường thúc đẩy sự sáng tạo qua các hoạt động học tập và thực hành, từ đó giúp trẻ phát triển nhận thức về nghệ thuật và tư duy sáng tạo.

Đảm bảo mỗi đứa trẻ có một môi trường học tập an toàn, gần gũi và đầy cảm hứng. Tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em cảm thấy tự tin, yêu thích và hứng thú trong việc học tập và khám phá.

Xây dựng và duy trì mối quan hệ tích cực với phụ huynh và gia đình. Đưa ra các chương trình giao tiếp hiệu quả tạo ra cơ hội để phụ huynh tham gia hoạt động vào quá trình giáo dục của con em mình.

Đầu tư vào đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm. Đảm bảo các giáo viên luôn có những kỹ năng và kiến thức mới nhất để hỗ trợ sự phát triển toàn diện cho trẻ.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý và dạy học cho trẻ. Sử dụng các phần mềm giáo dục để giáo viên có thể thiết kế bài giảng sinh động và phù hợp với sự phát triển của trẻ. Sử dụng các nền tảng mạng xã hội và ứng dụng di động để tạo ra một cộng đồng học tập kết nối giữa giáo viên, học sinh và phụ huynh. Tạo ra các kênh thông tin để phụ huynh có thể dễ dàng tiếp cận thông tin về tiến độ học tập, hoạt động của lớp và các sự kiện của trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường Mầm non Số 7:

Trường Mầm non Số 7 nằm trên địa bàn khu dân cư phường Giảng Võ - TP Hà Nội. Trường có 1 cơ sở khang trang, sạch sẽ nằm tại địa chỉ số 8 ngõ 660 đường La Thành rất thuận tiện cho cha mẹ đưa đón con. Năm học 2024-2025, trường được đầu tư cải tạo về công tác phòng cháy chữa cháy và cải tạo sửa chữa trường. Năm 2026 trường được công nhận lại chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Sau 05 năm được công nhận lại trường Chuẩn quốc gia, nhà trường không ngừng cố gắng, phấn đấu giữ vững các thành tích đã đạt được, tập thể nhà trường đã có thêm nhiều thành tích thi đua khen thưởng như: nhiều năm liền đạt danh hiệu

lao động tiên tiến cấp cơ sở; Hằng năm, số CBGVNV đạt danh hiệu lao động giỏi, giáo viên giỏi các cấp chiếm 55% - 74%.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đội ngũ CBGVNV của nhà trường có tổng số 27 đồng chí: Trong đó:

- Ban giám hiệu: 03 người (Trình độ chuyên môn của CBQL: 02 thạc sĩ Quản lý giáo dục; 01 cử nhân Đại học)

- Giáo viên: 17 người (Trình độ chuyên môn: 14/17 đạt 82% giáo viên có bằng cử nhân Sư phạm Mầm non; 3/19 GV có trình độ cao đẳng SP đạt 18%

- Nhân viên: 07 người (Trình độ chuyên môn của nhân viên: 1 nhân viên có bằng cử nhân, 4 nhân viên có bằng trung cấp chuyên nghiệp và 2 nhân viên bảo vệ có chứng chỉ nghề)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Thông tin về cơ sở vật chất: (theo khoản 2 điều 6 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

Trường có tổng diện tích đất là 554,62m². Tổng diện tích đất sử dụng là 2.061,21m² (Bình quân trẻ 17m²)

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc vườn cây của bé, các khu tiểu cảnh và rất nhiều cây xanh phong phú, đa dạng. Đến nay, trong khuôn viên trường đã có nhiều cây xanh và các loại hoa để tăng tính thẩm mỹ cho sân trường, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao hơn 3m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo về mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường Mầm non.

Trường đã xây dựng công trình tổng diện tích sàn xây dựng 2.061,21m²; có sân chơi với diện tích 290,78m², được lát gạch đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi theo quy định.

- Diện tích sân vườn 60m².

- Diện tích sân chơi là 290,78 m².

- Diện tích sân chơi tầng 4 là 50 m².

Trường được thiết kế xây dựng 4 tầng; quy mô 09 phòng học, có diện tích trung bình 60m²/phòng.

Tổng số phòng chức năng, hiệu bộ: 9 phòng (phòng GD thể chất; GD nghệ thuật, khu không gian sáng tạo; khu tập Gym và vận động; khu vườn rau của bé, phòng thư viện).

GIÁ
RƯC
ÂM
SỐ
★

Nhà trường có đủ các phòng khối phòng hành chính quản trị như: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính, phòng y tế, phòng hội trường, phòng tiếp công dân, phòng nhân viên, phòng bảo vệ.

Khu bếp ăn được sắp xếp một chiều đảm bảo đúng quy trình về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đồ dùng nấu ăn được trang bị đầy đủ, hiện đại: máy xay thịt, máy cắt rau củ quả, tủ cơm điện, tủ sấy bát, tủ hấp khăn, tủ lạnh lưu mẫu thức ăn. 100% các đồ dùng như bát, thìa, xoong được trang bị bằng inox. Hệ thống bếp điện, hệ thống hút mùi đảm bảo an toàn và đúng theo quy định.

Trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi ngoài trời được đầu tư đầy đủ và hiện đại.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng: (theo khoản 2 điều 8 Thông tư 09/2024/-TT. BGDDT)

Trang thiết bị dạy học: Đầy đủ trang thiết bị hiện đại như máy chiếu, bảng tương tác, thiết bị học tập đa phương tiện.

Khu vực vui chơi: Khu vực vui chơi ngoài trời rộng 290,78m² với sân chơi, khu vận động.

Các trang thiết bị khác: Hệ thống camera an ninh, máy lạnh, hệ thống nước sạch, phòng y tế trang bị đầy đủ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 vào tháng 10 năm 2020; và được công nhận lại kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và tháng 01 năm 2026.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả đánh giá ngoài: Được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; Chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2021; được công nhận lại đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; Chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2026

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng hàng năm

+ Các tiêu chuẩn đạt được:

- Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.
- Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
- Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học
- Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.
- Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Năm học 2025-2026 nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng. Kết quả đạt như sau:

+ Tổng số 05 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí

- Mức 1: đạt 21/21 = 100% tiêu chí

- Mức 2: đạt 21/21 = 100% tiêu chí

- Mức 3: đạt 8/15 = 53% tiêu chí

- Mức 4: không

- Mức đánh giá của trường: Cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở GDĐT Hà Nội và phòng VH-XH phường Giảng Võ tổ chức; Bên cạnh đó, nhà trường chủ động, linh hoạt để thực hiện các biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua trải nghiệm nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của giáo viên.

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt được, chương trình giáo dục, kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển, các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục (Kèm theo biểu mẫu số 1).

Công khai số trẻ em nhóm ghép, số trẻ em học một hoặc hai buổi/ngày, số trẻ em khuyết tật học hòa nhập, số trẻ em được tổ chức ăn bán trú, số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ, kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em, số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Kèm theo biểu mẫu số 2).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện công tác công khai tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

a. Tình hình tài chính của trường trong năm học 2025 - 2026:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về Quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, học phí, các khoản thu chi thỏa thuận với phụ huynh, chi thường xuyên...Báo cáo quyết toán năm 2025 (đính kèm các biểu mẫu tài chính)

b) Học phí và các khoản thu khác từ học sinh: Mức thu học phí theo Nghị quyết 60/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phụ vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non. Giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của Thành phố Hà Nội.

c) Các khoản chi: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn; chi công tác phí; chi khoán điện thoại; mạng internet...chi bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

IG
ON
NỘI

Nhà trường tự xây dựng chương trình giáo dục năm học 2025-2026 phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và điều kiện địa phương bám sát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện kế hoạch phân công, phân nhiệm cụ thể các bộ phận trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chuyên đổi số, đổi mới phương pháp dạy học nhằm từng bước nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

* Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng CNTT và chuyên đổi số, ứng dụng AI vào thiết kế các hoạt động dạy trẻ, ứng dụng phương pháp tiên tiến STEAM... vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng thực hành trải nghiệm.

Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các sự kiện và các phong trào thi đua; công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học, an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh.

* Kết quả công tác chỉ đạo chuyên môn

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng nội dung sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội giảng, chuyên đề, dự giờ thăm lớp để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Kết quả: trong năm học 2025-2026 đã tổ chức 6 chuyên đề, 3 hoạt động giao lưu kết nối có sự tham gia tích cực của phụ huynh học sinh.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn cùng giáo viên đã tham dự đầy đủ các chuyên đề do Phòng VH-XH phường Giảng Võ, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội tổ chức như: BD CBQL và GVMN cốt cán về đạo đức nghề nghiệp của người GVMN; Bồi dưỡng ứng dụng AI trong thiết kế 1 số hoạt động cho học sinh, tạo nhân vật hoạt hình, sáng tác bài hát; “Bồi dưỡng kiến thức vệ sinh ATTP, giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em”; kiến tập “Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội; BD chuyên đề: BD CBQL và GVMN cốt cán về quản lý cảm xúc cho người giáo viên mầm non trong hoạt động nghề nghiệp; Kiến tập “Phát triển chương trình giáo dục nhà trường đi sâu lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức”...

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Kết quả việc tổ chức xây dựng, triển khai KHGD, KHBD.

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động dạy học theo dự án, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục theo các mục tiêu. Cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục có vận dụng các STEAM (5E, EDP) theo hướng phát triển năng lực cho trẻ mầm non.

Nhà trường luôn quan tâm, thực hiện dạy học tích hợp các nội dung giáo dục: bảo vệ môi trường; giáo dục các kỹ năng, cảm xúc và tình cảm quan hệ xã hội, môi trường biển, hải đảo; tiết kiệm năng lượng; an toàn giao thông; phòng chống xâm hại, tai nạn thương tích; kỹ năng sống ... vào các hoạt động giáo dục.

*Kết quả: 100% giáo viên có kế hoạch bài dạy đã được duyệt khi lên lớp.

3. Công tác triển khai giáo dục STEAM, chuyển đổi số.

a) Đối với ứng dụng phương pháp STEAM (Dự án học tập, dự án STEAM)

100% CB, GV được tập huấn ứng dụng bài giảng 5E, EDP vào tổ chức hoạt động. Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động ứng dụng nội dung giáo dục STEAM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề giữa các trường mầm non, chuyên đề cấp phường nhằm học tập trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEAM đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của trẻ.

* Kết quả: 100% lớp thực hiện.

b) Đối với việc triển khai chuyển đổi số

Nhà trường đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy, thực hiện lưu trữ hồ sơ chuyên môn, hồ sơ cá nhân và trao đổi thông tin liên quan công tác chuyên môn.

* Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện.

4. Cũng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

a) Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Nhà trường đã chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định.

b) Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và tiếp tục xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD-XMC cấp phường huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ). và Bộ GDĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); phối hợp tăng cường công tác điều tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định, lưu trữ hồ sơ, minh chứng năm học.

c) Công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo

Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục theo quy định, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng như: Hội đồng sư phạm nhà trường, CBGVNV, PHHS, cộng đồng xã hội... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Cán bộ quản lý sâu sát trong công tác chỉ đạo, thường xuyên giám sát, kiểm tra việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Phối hợp PHHS trong giáo dục trẻ đã thu hút sự quan tâm, ủng hộ, đồng hành của cha mẹ học sinh trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, hoạt động lễ hội sự kiện tại nhà trường.

d) Hoạt động khác:

Kết quả các phong trào:

- Nhà trường tham gia đầy đủ các hoạt động và phong trào của Phòng VH-XH phường tổ chức.

Thực hiện tốt phong trào “Xây dựng trường học xanh - An toàn - Hạnh phúc” chú trọng xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.

Trong năm học 2025-2026 không để xảy ra trường hợp vi phạm quy định, được UBND phường Giảng Võ công nhận Trường học an toàn.

5. Công tác truyền thông.

Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng đổi mới của giáo dục; Đội ngũ nhà giáo, CBQL quan tâm viết bài và đưa tin về các hoạt động của trường, của Ngành để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng thu hút sự quan tâm, đồng hành trong cha mẹ học sinh.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai và thực hiện các nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026 của trường Mầm non Số 7. Nhà trường kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của lãnh đạo cấp trên để nhà trường tiếp tục triển khai thực hiện trong đơn vị được tốt hơn./.

Nơi nhận:

- UBND phường Giảng Võ (để b/c);
- Phòng VH-XH phường (để b/c);
- Lưu VT./.



Nguyễn Thị Hà

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
Năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phát triển bình thường về cân nặng theo độ tuổi 27/27 trẻ đạt 100% - Trẻ phát triển bình thường về chiều cao theo độ tuổi 27/27 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phát triển bình thường về cân nặng theo độ tuổi 92/92 trẻ đạt 100% - Trẻ phát triển bình thường về chiều cao theo độ tuổi 92/92 trẻ đạt 100%
II	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Chương trình GDMN của BGD	Chương trình GDMN của BGD
1	<i>Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.</i>	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD montessori	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN và ứng dụng PPGD tiên tiến Montessorri và STEAM
2	<i>Chất lượng giáo dục trẻ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các lớp thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non theo VBHN số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 và tình hình thực tế. - 100% các lớp tổ chức các hoạt động linh hoạt, hiệu quả và xây dựng kế hoạch, thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ, phù hợp với mục tiêu chương trình và thực tế của trường lớp. - Trẻ có kỹ năng, nề nếp trong các hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các lớp thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non theo VBHN số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 và tình hình thực tế. - 100% các lớp tổ chức các hoạt động linh hoạt, hiệu quả và xây dựng kế hoạch, thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ, phù hợp với mục tiêu chương trình và thực tế của trường lớp. - Trẻ có kỹ năng, nề nếp trong các hoạt động. - Thực hiện chương trình ứng dụng phương pháp tiên tiến hiện nay (STEAM)

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Kết quả đánh giá trẻ cuối độ tuổi: + Đạt: 25/27 trẻ = 92% + Chưa đạt: 02/27 trẻ = 8%	Kết quả đánh giá trẻ cuối độ tuổi: + Đạt: 87/92 trẻ = 95% + Chưa đạt: 5/92 trẻ = 5%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn 50% - Đội ngũ nhiệt tình, tâm huyết. - Đảm bảo đầy đủ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ theo văn bản hợp nhất số 01/BGDĐT, theo tiêu chí đánh giá trường mầm non. - Trẻ được sử dụng thực phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực đơn thay đổi theo mùa, phong phú, 4 tuần quay vòng thực đơn 1 lần. Đảm bảo tỷ lệ calo và cân đối các chất dinh dưỡng đạt /ngày/trẻ. - 100% trẻ được ăn bán trú tại trường.	- Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn 77% - Đội ngũ nhiệt tình, tâm huyết. - Đảm bảo đầy đủ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ theo văn bản hợp nhất số 01/BGDĐT, theo tiêu chí đánh giá trường mầm non. - Trẻ được sử dụng thực phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực đơn thay đổi theo mùa, phong phú, 4 tuần quay vòng thực đơn 1 lần. Đảm bảo tỷ lệ calo và cân đối các chất dinh dưỡng đạt /ngày/trẻ.. - 100% trẻ được ăn bán trú tại trường.

Giảng Võ, ngày 29 tháng 5 năm 2026

Hiệu trưởng
 TRƯỜNG
 MẦM NON
 SỐ 7
 Nguyễn Thị Hà

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ
Năm học 2025 - 2026

Đơn vị tính: 119 trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			24 - 36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ tuyển sinh	119	27	18	32	42
1	Số trẻ em nhóm ghép	0				
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0				
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	119	27	18	32	42
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0				
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	119	27	18	32	42
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	119	27	18	32	42
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	119	27	18	32	42
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	119	27	18	32	42
1	Số trẻ cân nặng bình thường	119	27	18	32	42
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	119	27	18	32	42
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	119	27	18	32	42
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	27	27		0	0

				0		
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	92	0	18	32	42

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Hiệu trưởng

TRƯỜNG MẦM NON SỐ 7
Nguyễn Thị Hà

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
NĂM HỌC 2025-2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số 17m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	2.061,21m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	290,78m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	60 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	60 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12 m ²	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	208,74 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc giáo dục thể chất (m ²)	60 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	77 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	- Máy chiếu: 01 - Máy tính: 15 - Máy laptop: 02 - Màn hình tương tác: 02, màn hình Led : 01	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Màn hình tương tác thông minh	02	02/02
2	Tivi	12	
3	Bàn ghế đúng quy cách		120/9
4	Máy in	15	9/9
5	Sách giáo khoa phê duyệt	200 bộ	200/9

		Số lượng(m ²)		
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	9	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Hiệu trưởng

 Nguyễn Thị Hà

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV
NĂM HỌC 2025-2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

TT	Nội dung	T.số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Th.s	ĐH	CĐ	TC	Khác	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	T B
	Tổng số CBQL, GV và NV	27	2	16	3	4	2	14	6	12	8	0
I	Cán bộ Q.Lý	3	2	1	0	0	0	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0
2	P.Hiệu trưởng	2	1	1	0	0	0	0	2	2	0	0
II	Giáo viên	17	0	14	3	0	0	14	3	9	8	0
1	Nhà trẻ	4	0	2	2	0	0	4	0	1	3	0
2	Mẫu giáo	13	0	12	1	0	0	10	3	8	5	0
III	Nhân viên	07	0	1	0	4	2	0	0	0	0	0
1	NV Kế toán	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
2	NV Y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	NV Nuôi dưỡng	4	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0
4	NV phục vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	NV bảo vệ	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026


Nguyễn Thị Hà

Số: 15 /TBCK-MNS7

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN, CBQL VÀ NHÂN VIÊN
ĐƯỢC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
1.	Tháng 8/2025	CB-GV-NV	29	Bồi dưỡng chính trị hè	Trực tuyến	
2.	Tháng 10/2025	PHT-GV	2	BD CBQL và GVMN cốt cán về đạo đức nghề nghiệp của người GVMN	Trực tiếp	
		GV	1	BD CBQL và GVMN kỹ năng kiểm soát cảm xúc của người GVMN	Trực tiếp	
3	Tháng 10/2025	CB-GV-NV	25	CD Vệ sinh an toàn thực phẩm	Trực tiếp	
4	Tháng 12/2025	CB-GV-NV	27	Bồi dưỡng ứng dụng AI trong thiết kế 1 số hoạt động cho học sinh, tạo nhân vật hoạt hình, sáng tác bài hát	Trực tiếp	
6	Tháng 01/2026	CB-GV	7	Bồi dưỡng kiến thức vệ sinh ATTP, giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em	Trực tiếp	
7	Tháng 01/2026	CB-GV	7	kiến tập "Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội	Trực tiếp	

8	Tháng 01/2026	CB-GV	2	Kiến tập chuyên đề giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật	Trực tiếp	
9	Tháng 3/2026	CB-GV	8	Kiến tập “Phát triển chương trình giáo dục nhà trường đi sâu lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức”.	Trực tiếp	

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Hà

Số: 16/TBCK-MNS7

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2025
(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)
Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán thu	2,440,528	
I	Tổng số thu	2,440,528	
1	Thu phí, lệ phí	336,753	
	- Học phí	336,753	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	0	
3	Thu viện trợ (Chi tiết theo từng dự án)	0	
4	Thu sự nghiệp khác	2,103,775	
	- Chăm sóc Bán trú	391,275	
	- Cơ sở vật chất bán trú	37,000	
	- Dịch vụ CS hè	315,000	
	- Nước uống tinh khiết	30,000	
	- Tiền ăn	1,312,500	
	- Năng khiếu	18,000	
II	Số thu nộp NSNN	0	
1	Phí, lệ phí	0	
	- Học phí	0	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	0	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	0	



	(Chi tiết theo từng loại thu)	0	
III	Số được để lại chi theo chế độ	2,440,528	
1	Thu phí, lệ phí	336,753	
	- Học phí	336,753	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)	0	
3	Thu viện trợ	0	
4	Thu sự nghiệp khác	2,103,775	
	- Chăm sóc Bán trú	391,275	
	- Cơ sở vật chất bán trú	37,000	
	- Dịch vụ CS hè	315,000	
	- Nước uống tinh khiết	30,000	
	- Tiền ăn	1,312,500	
	- Năng khiếu	18,000	

0

A	Dự toán thu ngân sách nhà nước	0	
I	Tổng số thu từ chi thường xuyên	2,873,076	
1	- Lương và các khoản có tính chất Lương	2,548,776	
2	- Tiết kiệm 10% chi TX theo quy định	32,430	
3	- Chi thường xuyên	291,870	
II	Tổng số thu từ nguồn không thường xuyên	1,835,141	
1	Kinh phí lương lao động HĐ NĐ 111	251,482	
2	KP cải cách tiền lương	1,454,000	
3	Tiền thưởng NĐ 73	129,659	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4,708,217	
I	Tổng số chi từ nguồn thường xuyên	2,873,076	
1	Chi thanh toán cá nhân	2,618,006	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	205,070	
3	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	50,000	

4	Chi khác	0	
II	Tổng số chi từ nguồn không thường xuyên	1,835,141	
1	Kinh phí lương lao động HĐ NĐ 111	251,482	
2	KP cải cách tiền lương	1,454,000	
3	Tiền thưởng NĐ 73	129,659	

Giảng Võ, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Hà

